

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa: Chị Phan Thị Thu Ph; Địa chỉ: Thôn Kon T, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum và anh Trần Văn T; Địa chỉ: Thôn Kon J, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị Thu Ph với anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thu Ph và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Hai đương sự thoả thuận: Giao 03 con chung là Trần Mạnh H, sinh ngày 14/01/2011, Trần Quang Nh, sinh ngày 18/9/2014 và Trần Hải Đ, sinh ngày 14/7/2019 cho chị Phan Thị Thu Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng. Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Trần Mạnh H, Trần Quang Nh và Trần Hải Đ đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Thuận tình ly hôn là 150.000 đồng, các đương sự phải chịu, chị Phan Thị Thu Ph thỏa thuận chịu 150.000 đồng. Chị Phan Thị Thu Ph thỏa thuận chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn T. Tổng cộng chị Phan Thị Thu Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Phan Thị Thu Ph đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003511 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum, tỉnh Kon Tum. Chị Phan Thị Thu Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- UBND xã Đăk Blà, tp KonTum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương